TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2018
V/v Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.
2. Ông Hồ Xuân Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Công Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Mai K (Thảo),** sinh năm 1990. (Có mặt)
Địa chỉ thường trú: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
Địa chỉ tạm trú: ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn X,** sinh năm 1989. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Mai K trình bày: Chị và anh X cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 08/10/2013. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh X không lo làm ăn. Nay chị xác định tình cảm không thể hàn gắn được với anh X nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Bảo B, sinh ngày 10/4/2013, hiện đang sống với anh X. Ly hôn, chị giao cho anh X tiếp tục nuôi

con chung, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện được ý kiến anh X trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Mai K.

Về hôn nhân: Chị Mai K được ly hôn với anh X.

Về con chung: Giao cho anh X được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Nguyễn Văn Bảo B, sinh ngày 10/4/2013. Chị Mai K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu gải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn xin ly hôn chị Mai K yêu cầu được ly hôn với anh X nên quan hệ pháp luật là "Xin ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn X đã được Tòa án thực hiện hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai K và anh X là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung anh X không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2016, chị Mai K và anh X không cùng nhau khắc phục mà để ly thân kéo dài cho đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Mai K yêu cầu ly hôn phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Mai K được ly hôn với anh X.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Văn Bảo B, sinh ngày 10/4/2013, hiện nay cháu đang sống với anh X. Ly hôn, chị Mai K giao cho anh X tiếp tục nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Mai K phù hợp với kết quả xác minh thực tế tại địa phương, hiện cháu B đang sống với anh X, từ khi chị Mai K và anh X sống ly thân cho đến nay anh X vẫn đảm bảo điều kiện

nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Mai K, giao cho anh X tiếp tục nuôi cháu B.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Mai K đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị Mai K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Mai K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Mai K được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn X được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Nguyễn Văn Bảo B, sinh ngày 10/4/2013.

Chị Võ Mai K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Mai K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 38950 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị Mai K còn phải nộp 300.000đ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng thời hạn kháng cáo của anh X là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Tám